



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014

**CÔNG TY CỔ PHẦN
XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN
CỬU LONG AN GIANG**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2014	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2014	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2014	14 - 42
8. Phụ lục	43

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Cửu Long An Giang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1600680398 (số cũ là 5203000065), đăng ký lần đầu ngày 17 tháng 4 năm 2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 21 tháng 4 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 5 : 183.996.750.000 VND
Tổng số cổ phần : 18.399.675 cổ phần
Mệnh giá cổ phần : 10.000 VND/cổ phần

<i>Cổ đông</i>	<i>Số cổ phần</i>	<i>Giá trị cổ phần (VND)</i>	<i>Tỷ lệ (%)</i>
1. Ông Trần Văn Nhân	1.052.437	10.524.370.000	5,72
2. Bà Trần Thị Vân Loan	3.007.009	30.070.090.000	16,34
3. Ông Trần Tuấn Khanh	1.079.436	10.794.360.000	5,87
4. Các cổ đông khác	13.260.793	132.607.930.000	72,07
Cộng	18.399.675	183.996.750.000	100,00

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh từ ngày 05 tháng 9 năm 2007 với mã chứng khoán là ACL.

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : 90 Hùng Vương, khóm Mỹ Thọ, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang
Điện thoại : (076) 3.931.000 – 3.932.821
Fax : (076) 3.932.446
E-mail : clfish@vnn.vn
Website : www.clfish.com
Mã số thuế : 1600680398

Hoạt động chính của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là: Chế biến, bảo quản thủy sản và sản phẩm từ thủy sản; Mua bán cá và thủy sản; Mua bán thực phẩm (đậu nành, đậu bắp, rau quả,... đông lạnh); Mua bán nông sản (nếp, gạo, hạt điều,...); Mua bán hóa chất, dụng cụ dùng trong sản xuất và chế biến thủy sản; Mua bán các loại nguyên liệu, vật tư trong ngành bao bì; Mua bán nguyên liệu, vật tư phục vụ chăn nuôi thủy sản (cám bã đậu nành, bột cá, bột xương thịt, vitamin); Nuôi trồng thủy sản; Chế biến thức ăn thủy sản; Chế biến thức ăn gia súc; Sản xuất bao bì; Cho thuê kho lạnh; Đầu tư cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, khu du lịch, khách sạn, cao ốc văn phòng; Hoạt động đầu tư trực tiếp, đầu tư gián tiếp (tuân thủ pháp luật có liên quan trong quá trình hoạt động); Đầu tư thực hiện việc sáp nhập và mua lại doanh nghiệp (tuân thủ pháp luật có liên quan trong quá trình hoạt động).

Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Công ty

Theo Biên bản họp Hội đồng quản trị số 04/BBH-HĐQT/CLAG2014 ngày 24 tháng 11 năm 2014, Hội đồng quản trị đã thống nhất sử dụng Quỹ dự phòng tài chính để bù đắp khoản ký quỹ (chi phí Bond) để được bán cá tra vào thị trường Mỹ giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2013 số tiền là 150.000 USD (tương đương 3.186.900.000 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 43).

Theo Nghị quyết số 02/NQ-ĐHĐCĐ/CLAG/2014 ngày 17 tháng 4 năm 2014 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014, lợi nhuận sau thuế năm 2013 được giữ lại để cân đối nguồn tài chính cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Theo Nghị quyết số 01/NQHĐQT-CLAG/2015 ngày 14 tháng 01 năm 2015 của Hội đồng quản trị, đã thông qua việc chia cổ tức năm 2014 là 5%/mệnh giá (500VND/cổ phần).

Ngoài sự kiện nêu trên, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2014 cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành, quản lý

Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1. Bà Trần Thị Vân Loan	Chủ tịch	07 tháng 6 năm 2010	-
2. Ông Trần Văn Nhân	Thành viên	07 tháng 6 năm 2010	-
3. Ông Trần Tuấn Khanh	Thành viên	09 tháng 4 năm 2007	-
4. Bà Nguyễn Thị Hoàng Yến	Thành viên	16 tháng 4 năm 2013	-
5. Ông Nguyễn Ngọc Trang	Thành viên	16 tháng 4 năm 2013	-

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1. Bà Nguyễn Thị Lệ Quyên	Trưởng ban	17 tháng 4 năm 2012	28 tháng 7 năm 2014
2. Ông Phù Chí Khai	Trưởng ban	28 tháng 7 năm 2014	-
3. Ông Nguyễn Tấn Tới	Thành viên	09 tháng 4 năm 2007	-
4. Bà Phạm Thị Hồng Ngọc	Thành viên	31 tháng 3 năm 2008	-

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1. Bà Trần Thị Vân Loan	Tổng Giám đốc	13 tháng 11 năm 2007	-
2. Ông Trần Tuấn Khanh	Phó Tổng Giám đốc	18 tháng 10 năm 2007	-
3. Bà Nguyễn Thị Hoàng Yến	Phó Tổng Giám đốc	27 tháng 3 năm 2013	-
4. Bà Nguyễn Thị Bích Vân	Kế toán trưởng	24 tháng 6 năm 2010	02 tháng 10 năm 2014
5. Ông Trương Minh Duy	Kế toán trưởng	02 tháng 10 năm 2014	-

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những Chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Cửu Long An Giang tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Trần Thị Vân Loan
Tổng Giám đốc

Ngày 16 tháng 3 năm 2015





**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 2 Trương Sơn St., W. 2, Tân Bình Dist., Hồ Chí Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Hà Nội : 40 Giang Võ St., Đống Đa Dist., Hà Nội City
Branch in Nha Trang : 18 Trần Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Cần Thơ : 162C/4 Trần Ngọc Quê St., Cần Thơ City
www.a-c.com.vn

Số: 0189/2015/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CÔ ĐỒNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Cửu Long An Giang, được lập ngày 31 tháng 01 năm 2015, từ trang 07 đến trang 43, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Cửu Long An Giang tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

M.S.C.
* O.T.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Nguyễn Ngọc Thành - Phó Tổng Giám đốc
Số GCN ĐKHN kiểm toán: 1195-2013-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 3 năm 2015

Nguyễn Hoàng Yến - Kiểm toán viên
Số GCN ĐKHN kiểm toán: 0088-2013-008-1

N. 03
TRÁ
KIỂM
T. V. B.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN		100		582.107.097.202	457.619.190.390
I. Tiền và các khoản tương đương tiền		110	V.1	28.785.124.424	8.575.263.155
1. Tiền		111		28.785.124.424	8.575.263.155
2. Các khoản tương đương tiền		112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn		121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn		130		229.128.788.614	230.048.398.391
1. Phải thu khách hàng		131	V.2	237.270.418.876	221.327.568.816
2. Trả trước cho người bán		132	V.3	2.799.426.026	18.020.725.358
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		134		-	-
5. Các khoản phải thu khác		135	V.4	872.135.572	798.284.049
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		139	V.5	(11.813.191.860)	(10.098.179.832)
IV. Hàng tồn kho		140		297.528.217.603	194.453.743.961
1. Hàng tồn kho		141	V.6	297.528.217.603	194.453.743.961
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác		150		26.664.966.561	24.541.784.883
1. Chi phí trả trước ngắn hạn		151	V.7	479.521.899	1.126.727.348
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		152		25.754.945.256	22.980.671.183
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác		158	V.8	430.499.406	434.386.352

08448
CÔNG
H NHIỆM
TOÁN VI
A &
7.T.P.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B -	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		255.233.815.978	261.337.451.385
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3.	Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4.	Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		245.668.340.815	251.663.681.090
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	189.335.752.220	186.597.589.193
	<i>Nguyên giá</i>	222		282.565.264.082	263.756.460.874
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(93.229.511.862)	(77.158.871.681)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.10	49.640.884.101	51.653.419.185
	<i>Nguyên giá</i>	228		58.670.210.862	58.670.210.862
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(9.029.326.761)	(7.016.791.677)
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	6.691.704.494	13.412.672.712
III.	Bất động sản đầu tư	240		-	-
	<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		2.621.557.111	2.621.557.111
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3.	Đầu tư dài hạn khác	258	V.12	3.600.000.000	3.600.000.000
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.13	(978.442.889)	(978.442.889)
V.	Tài sản dài hạn khác	260		6.943.918.052	7.052.213.184
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	5.782.014.472	1.829.565.312
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.15	926.888.580	1.827.801.872
3.	Tài sản dài hạn khác	268	V.16	235.015.000	3.394.846.000
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		837.340.913.180	718.956.641.775

31.12.2014
 TỶ
 HỮU HẠ
 TỰ VÃ
 C.
 CHỖ CHỮ

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ		300		556.952.420.410	447.693.459.992
I. Nợ ngắn hạn		310		545.255.807.591	423.625.344.999
1. Vay và nợ ngắn hạn		311	V.17	472.718.403.104	365.262.251.372
2. Phải trả người bán		312	V.18	47.308.278.407	31.413.760.409
3. Người mua trả tiền trước		313	V.19	6.866.545.093	1.649.851.956
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		314	V.20	173.585.724	378.626.768
5. Phải trả người lao động		315	V.21	4.842.468.156	4.393.865.245
6. Chi phí phải trả		316	V.22	4.634.442.898	9.139.009.362
7. Phải trả nội bộ		317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		319	V.23	1.928.055.344	1.593.903.302
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn		320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		323	V.24	6.784.028.865	9.794.076.585
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		327		-	-
II. Nợ dài hạn		330		11.696.612.819	24.068.114.993
1. Phải trả dài hạn người bán		331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ		332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác		333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn		334	V.25	11.387.591.169	23.887.591.169
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		335	V.26	309.021.650	180.523.824
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn		337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện		338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		400		280.388.492.770	271.263.181.783
I. Vốn chủ sở hữu		410		280.388.492.770	271.263.181.783
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		411	V.27	183.996.750.000	183.996.750.000
2. Thặng dư vốn cổ phần		412	V.27	19.920.224.200	19.920.224.200
3. Vốn khác của chủ sở hữu		413	V.27	-	-
4. Cổ phiếu quỹ		414	V.27	-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển		417	V.27	2.571.767.056	2.571.767.056
8. Quỹ dự phòng tài chính		418	V.27	11.152.588.371	14.339.488.371
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		420	V.27	62.747.163.143	50.434.952.156
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		430		-	-
1. Nguồn kinh phí		432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định		433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		440		837.340.913.180	718.956.641.775

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài			-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý			-	-
5. Ngoại tệ các loại:				
Dollar Mỹ (USD)			638.786,17	201.900,73
Euro (EUR)			228,36	231,76
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			-	-

An Giang, ngày 31 tháng 01 năm 2015



Trương Minh Duy
Người lập

Trương Minh Duy
Kế toán trưởng



Trần Thị Vân Loan
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	855.713.208.203	990.819.376.809
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		1.223.474.796	3.607.717.819
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	854.489.733.407	987.211.658.990
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	732.310.352.861	832.857.992.601
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		122.179.380.546	154.353.666.389
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	2.851.602.963	3.521.697.462
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	24.097.980.330	28.559.728.891
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		19.965.557.756	26.963.745.985
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	57.506.453.018	97.455.892.183
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	28.775.990.129	26.224.756.870
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		14.650.560.032	5.634.985.907
11. Thu nhập khác	31	VI.7	6.900.000	6.856.944
12. Chi phí khác	32	VI.8	568.901.816	183.170.161
13. Lợi nhuận khác	40		(562.001.816)	(176.313.217)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		14.088.558.216	5.458.672.690
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.20	746.936.111	1.123.155.366
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.9	1.029.411.118	(812.700.448)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>12.312.210.987</u>	<u>5.148.217.772</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	<u>669</u>	<u>280</u>

An Giang, ngày 31 tháng 01 năm 2015



Trương Minh Duy
Người lập

Trương Minh Duy
Kế toán trưởng

Trần Thị Vân Loan
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		14.088.558.216	5.458.672.690
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.9, V.10	25.536.800.099	22.014.936.673
- Các khoản dự phòng	03		1.715.012.028	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.4	71.888.722	(354.835.882)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(419.681.682)	(168.529.922)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	19.965.557.756	26.963.745.985
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		60.958.135.139	53.913.989.544
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(2.700.824.670)	(11.420.710.450)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(103.074.473.642)	151.198.069.484
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		17.268.018.310	(53.277.270.163)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(3.305.243.711)	219.162.256
- Tiền lãi vay đã trả	13		(19.847.206.722)	(27.275.719.680)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.20	(948.946.875)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(3.036.401.720)	(4.853.073.714)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(54.686.943.891)	108.504.447.277
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.9, V.11	(19.541.459.824)	(51.423.905.515)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3	419.681.682	168.529.922
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(19.121.778.142)	(51.255.375.593)

144
 INC
 HIỆP
 AN V
 &
 TP

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số tiền	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.17, V.25	1.194.698.909.662	1.139.420.892.102
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.17, V.25	(1.100.740.324.704)	(1.189.798.916.274)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(8.279.853.750)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		93.958.584.958	(58.657.877.922)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		20.149.862.925	(1.408.806.238)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	8.575.263.155	9.990.690.435
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		59.998.344	(6.621.042)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	28.785.124.424	8.575.263.155

An-Giang, ngày 31 tháng 01 năm 2015



Trương Minh Duy
Người lập



Trương Minh Duy
Kế toán trưởng



Trần Thị Vân Loan
Tổng Giám đốc

1818
TY
HỮU
Ả TỬ
C
HỒ C

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2014

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, thương mại
- Ngành nghề kinh doanh** : Chế biến, bảo quản thủy sản và sản phẩm từ thủy sản; Mua bán cá và thủy sản; Nuôi trồng thủy sản; Chế biến thức ăn thủy sản; Chế biến thức ăn gia súc.
- Nhân viên**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 Công ty có 1.508 nhân viên đang làm việc (cuối năm trước là 1.347 nhân viên).
- Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**
Theo Biên bản họp Hội đồng quản trị số 04/BBH-HĐQT/CLAG2014 ngày 24 tháng 11 năm 2014, Hội đồng quản trị đã thống nhất sử dụng Quỹ dự phòng tài chính để bù đắp khoản ký quỹ (chi phí Bond) để được bán cá tra vào thị trường Mỹ giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2013 số tiền là 150.000 USD (tương đương 3.186.900.000 VND).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
- Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Ngày 22 tháng 12 năm 2014 Bộ Tài chính đã ban hành các thông tư sau:

- Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.
- Thông tư số 202/2014/TT-BTC về hướng dẫn lập Báo cáo tài chính hợp nhất thay thế cho các hướng dẫn liên quan đến lập Báo cáo tài chính hợp nhất tại Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính.

Các quy định của các thông tư này được áp dụng cho việc ghi sổ, lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2015 trở đi.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức Nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chi được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong năm.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 35
Máy móc và thiết bị	5 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5 – 10

6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất có thời hạn được trích khấu hao theo thời hạn sử dụng. Đối với quyền sử dụng đất không xác định thời hạn sẽ không tính khấu hao.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và kho bãi chưa hoàn thành. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và không được tính khấu hao.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong năm. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

9. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Chi phí trả trước dài hạn

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong năm.

12. Trợ cấp thôi việc

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động làm việc thường xuyên tại Công ty từ đủ 12 tháng trở lên. Mức chi trả trợ cấp thôi việc bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 01 năm làm việc đối với thời gian người lao động không tham gia đóng bảo hiểm thất nghiệp.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

13. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

14. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

15. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên như sau:

	Mục đích	Tỷ lệ trích lập từ lợi nhuận sau thuế
• Quỹ đầu tư phát triển	Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Công ty	04%
• Quỹ dự phòng tài chính	Bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến như thiên tai, hỏa hoạn,....	01%
• Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động	05%



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

17. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2013 : 21.086 VND/USD
: 28.967 VND/EUR
31/12/2014 : 21.365 VND/USD
25.699 VND/EUR



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

18. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

19. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm các nhóm: các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

20. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

21. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.3.



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	1.859.936.482	1.179.102.760
Tiền gửi ngân hàng	26.925.187.942	7.396.160.395
Cộng	<u>28.785.124.424</u>	<u>8.575.263.155</u>

2. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Khách hàng trong nước	45.491.348.057	25.093.216.307
Khách hàng nước ngoài	191.779.070.819	196.234.352.509
Cộng	<u>237.270.418.876</u>	<u>221.327.568.816</u>

Một số công nợ phải thu có tổng giá trị ghi sổ là 159.777.500.000 VND đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các Ngân hàng (xem thuyết minh số V.17).

3. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nhà cung cấp trong nước	2.799.426.026	17.809.589.656
Nhà cung cấp nước ngoài	-	211.135.702
Cộng	<u>2.799.426.026</u>	<u>18.020.725.358</u>

4. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Lãi ứng trước tiền cá nguyên liệu (*)	619.430.200	619.430.200
Phải thu khác	252.705.372	178.853.849
Cộng	<u>872.135.572</u>	<u>798.284.049</u>

(*) Lãi tạm tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2011 khoản tiền ứng trước mua cá nguyên liệu cho Bà Trịnh Thị Hương.

5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán	11.813.191.860	10.098.179.832
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 01 năm	-	-
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm	-	-
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm	-	3.181.507.172
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên	11.813.191.860	6.916.672.660
Dự phòng nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	-	-
Cộng	<u>11.813.191.860</u>	<u>10.098.179.832</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	10.098.179.832	7.978.493.695
Trích lập dự phòng bổ sung trong năm	1.715.012.028	2.119.686.137
Hoàn nhập dự phòng trong năm	-	-
Số cuối năm	<u>11.813.191.860</u>	<u>10.098.179.832</u>

6. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	32.812.841.345	20.365.059.837
Công cụ, dụng cụ	3.241.868.002	2.542.479.235
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	94.382.305.051	78.266.452.523
Thành phẩm	162.719.318.411	86.289.523.920
Hàng gửi đi bán	4.371.884.794	6.990.228.446
Cộng	<u>297.528.217.603</u>	<u>194.453.743.961</u>

Toàn bộ thành phẩm tồn kho có tổng giá trị ghi sổ là 162.719.318.411 VND đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các Ngân hàng (xem thuyết minh số V.17).

7. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí sửa chữa	-	238.484.355
Công cụ dụng cụ	479.521.899	888.242.993
Cộng	<u>479.521.899</u>	<u>1.126.727.348</u>

8. Tài sản ngắn hạn khác

Các khoản tạm ứng cho nhân viên.

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu năm	107.287.336.774	151.831.806.303	2.921.409.244	1.715.908.553	263.756.460.874
Tăng trong năm	914.680.463	25.347.747.579	-	-	26.262.428.042
Mua sắm mới	228.527.273	14.817.589.908	-	-	15.046.117.181
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	686.153.190	10.530.157.671	-	-	11.216.310.861
Giảm trong năm	-	(7.129.617.898)	(51.000.000)	(273.006.936)	(7.453.624.834)
Thanh lý, nhượng bán	-	(7.129.617.898)	(51.000.000)	(273.006.936)	(7.453.624.834)
Số cuối năm	<u>108.202.017.237</u>	<u>170.049.935.984</u>	<u>2.870.409.244</u>	<u>1.442.901.617</u>	<u>282.565.264.082</u>
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-	49.636.364	49.636.364
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	22.344.611.384	52.440.790.365	1.752.035.331	621.434.601	77.158.871.681
Khấu hao trong năm	8.694.853.351	14.310.912.932	310.369.104	208.129.628	23.524.265.015
Thanh lý, nhượng bán	-	(7.129.617.898)	(51.000.000)	(273.006.936)	(7.453.624.834)
Số cuối năm	<u>31.039.464.735</u>	<u>59.622.085.399</u>	<u>2.011.404.435</u>	<u>556.557.293</u>	<u>93.229.511.862</u>

9813-C
 3 TY
 HỮU HẠ
 VÀ TƯ VẤN
 C
 HỒ CHÍ

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	84.942.725.390	99.391.015.938	1.169.373.913	1.094.473.952	186.597.589.193
Số cuối năm	77.162.552.502	110.427.850.585	859.004.809	886.344.324	189.335.752.220

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 114.416.611.398 VND và 70.939.782.484 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các Ngân hàng.

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	58.461.610.862	208.600.000	58.670.210.862
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	58.461.610.862	208.600.000	58.670.210.862
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	6.992.455.008	24.336.669	7.016.791.677
Khấu hao trong năm	1.970.815.080	41.720.004	2.012.535.084
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	8.963.270.088	66.056.673	9.029.326.761
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	51.469.155.854	184.263.331	51.653.419.185
Số cuối năm	49.498.340.774	142.543.327	49.640.884.101

Quyền sử dụng đất có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 41.489.875.186 VND và 32.589.034.114 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh An Giang.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
Mua sắm TSCĐ	-	-	-	-	-
XDCB dở dang	6.266.493.492	12.003.729.288	(11.216.310.861)	(362.207.425)	6.691.704.494
- Nhà máy chế biến thức ăn	44.707.073	24.818.182	(69.525.255)	-	-
- Phân xưởng 2	85.659.205	835.909.091	(871.873.091)	(49.695.205)	-
- Bè nuôi cá	-	868.089.500	-	(312.512.220)	555.577.280
- Chi phí di dời 28 hộ dân dọc Sông Hậu	4.350.430.623	-	-	-	4.350.430.623
- Các hạng mục khác	1.785.696.591	10.274.912.515	(10.274.912.515)	-	1.785.696.591
Sửa chữa lớn TSCĐ	7.146.179.220	1.033.905.287	-	(8.180.084.507)	-
Cộng	13.412.672.712	13.037.634.575	(11.216.310.861)	(8.542.291.932)	6.691.704.494

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**12. Đầu tư dài hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty cổ phần Tô Châu	300.000	3.600.000.000	300.000	3.600.000.000
Cộng		3.600.000.000		3.600.000.000

Khoản đầu tư cổ phiếu tại Công ty cổ phần Tô Châu theo hợp đồng mua cổ phiếu số 1/2008/CLAG ngày 02/02/2008 với số lượng 1.000.000 cổ phiếu tương đương 10% vốn điều lệ, mệnh giá: 10.000đ/cổ phiếu. Theo Công văn số 83/CLAG/08 ngày 27 tháng 05 năm 2008 về việc ngưng góp vốn thêm thì Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Cửu Long An Giang chỉ mua 300.000 cổ phiếu, với giá mua 12.000 đ/cổ phiếu.

13. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	978.442.889	-
Trích lập dự phòng trong năm	-	978.442.889
Hoàn nhập dự phòng trong năm	-	-
Số cuối năm	978.442.889	978.442.889

Dự phòng giảm giá khoản đầu tư vào Công ty cổ phần Tô Châu theo Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

14. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Kết chuyển vào	Số cuối năm
			chi phí SXKD trong năm	
Chi phí sửa chữa	338.091.984	9.081.637.570	(5.618.578.505)	3.801.151.049
Công cụ dụng cụ	1.491.473.328	526.063.817	(36.673.722)	1.980.863.423
Cộng	1.829.565.312	9.607.701.387	(5.655.252.227)	5.782.014.472

15. Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời chưa được khấu trừ.

Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.827.801.872	896.520.620
Phát sinh trong năm	926.888.580	1.827.801.872
Hoàn nhập trong năm	(1.827.801.872)	(896.520.620)
Số cuối năm	926.888.580	1.827.801.872

16. Tài sản dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ký quỹ, ký cược dài hạn (*)	235.015.000	3.394.846.000
Cộng	235.015.000	3.394.846.000

(*) Trong đó: khoản ký quỹ số tiền 150.000 USD (tương đương 3.195.000.000 VND) mở LC Bond để bán cá tra fillet vào thị trường Mỹ giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2013, đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã hết thời hạn và khoản ký quỹ này xem như là khoản chi phí không thu hồi được. Công ty đã dùng Quỹ dự phòng tài chính để bù đắp khoản tổn thất này (xem thuyết minh V.27).

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**17. Vay và nợ ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	460.218.403.104	352.762.251.372
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh An Giang ⁽¹⁾	85.190.332.604	41.028.571.714
- Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh An Giang ⁽²⁾	124.570.096.003	152.688.364.920
- Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) ⁽³⁾	34.796.191.001	38.646.420.800
- Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu - Chi nhánh Đồng Tháp ⁽⁴⁾	49.201.458.500	26.212.006.600
- Ngân hàng thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang ⁽⁵⁾	79.673.558.496	63.757.680.738
- Ngân hàng Natixis - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh ⁽⁶⁾	47.035.047.500	30.429.206.600
- Ngân hàng TNHH Indovina - Chi nhánh Cần Thơ ⁽⁷⁾	30.765.600.000	-
- Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh An Giang ⁽⁸⁾	8.986.119.000	-
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.25)	12.500.000.000	12.500.000.000
Cộng	<u>472.718.403.104</u>	<u>365.262.251.372</u>

- (1) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh An Giang với lãi suất theo từng thời điểm nhận nợ, để bổ sung vốn lưu động sản xuất kinh doanh chế biến thủy sản, nuôi trồng thủy sản và chế biến thức ăn thủy sản (phục vụ cho việc nuôi trồng thủy sản). Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp nhà cửa vật kiến trúc và quyền sử dụng đất.
- (2) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh An Giang với lãi suất thỏa thuận theo từng Hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể, để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất.
- (3) Khoản vay Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) với lãi suất theo từng lần nhận nợ, để đáp ứng nhu cầu vốn lưu động, nhu cầu phát hành bảo lãnh và chi tiêu Công ty. Khoản vay này được đảm bảo bằng nợ phải thu và máy móc thiết bị.
- (4) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu – Chi nhánh Đồng Tháp với lãi suất tại thời điểm nhận nợ, để bổ sung vốn lưu động kinh doanh, xuất khẩu cá tra. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp nợ phải thu và hàng tồn kho.
- (5) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang với lãi suất theo từng lần nhận nợ, để bổ sung vốn chế biến thủy sản xuất khẩu và nuôi cá tra. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp hàng tồn kho.
- (6) Khoản vay Ngân hàng Natixis - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh với lãi suất theo từng lần nhận nợ, để đáp ứng nhu cầu vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp nợ phải thu và hàng tồn kho.
- (7) Khoản vay Ngân hàng TNHH Indovina - Chi nhánh Cần Thơ với lãi suất theo từng lần nhận nợ, để bổ sung vốn kinh doanh. Khoản vay này không có tài sản bảo đảm.
- (8) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh An Giang với lãi suất theo từng lần nhận nợ, để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh cá tra xuất khẩu, chiết khấu hối phiếu. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp nợ phải thu.

1004
CÔNG
H NHI
TOÁN
A
H.T.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Chênh lệch tỷ giá cuối năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	352.762.251.372	1.194.698.909.662	997.566.774	(1.088.240.324.704)	460.218.403.104
Vay dài hạn đến hạn trả	12.500.000.000	12.500.000.000	-	(12.500.000.000)	12.500.000.000
Cộng	365.262.251.372	1.207.198.909.662	997.566.774	(1.100.740.324.704)	472.718.403.104

18. Phải trả cho người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nhà cung cấp trong nước	47.308.278.407	31.267.391.921
Nhà cung cấp nước ngoài	-	146.368.488
Cộng	47.308.278.407	31.413.760.409

19. Người mua trả tiền trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Khách hàng trong nước	4.744.696.578	1.242.844.030
Khách hàng nước ngoài	2.121.848.515	407.007.926
Cộng	6.866.545.093	1.649.851.956

20. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	-	-	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	198.078.874	(198.078.874)	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	260.221.311	(260.221.311)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	369.211.854	746.936.111	(948.946.875)	167.201.090
Thuế thu nhập cá nhân	6.651.314	78.783.823	(79.050.503)	6.384.634
Thuế tài nguyên	2.763.600	50.134.160	(52.897.760)	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	26.609.796	(26.609.796)	-
Các loại thuế khác	-	37.407.362	(37.407.362)	-
Cộng	378.626.768	1.398.171.437	(1.603.212.481)	173.585.724

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho các nhóm mặt hàng như sau:

Hàng hóa xuất khẩu	0%
Hàng hóa tiêu thụ nội địa	Không chịu thuế, 5%
Dịch vụ	10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh chính nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 20% trong 10 năm, năm 2014 là năm cuối được hưởng ưu đãi thuế suất. Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập khác là 22%.

Năm 2009 Công ty đã đưa vào hoạt động nhà máy chế biến thủy sản mới do đầu tư mở rộng, dự án được hưởng ưu đãi theo thuế suất 20% trong 10 năm, được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 năm và giảm 50% trong 05 năm tiếp theo đối với phần thu nhập tăng thêm. Năm 2014 là năm thứ 04 dự án đầu tư mở rộng được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2013 Công ty đã đưa vào hoạt động nhà máy chế biến thức ăn thủy sản, dự án được hưởng ưu đãi theo thuế suất 15% trong 12 năm, miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 03 năm và giảm 50% trong 07 năm tiếp theo đối với phần thu nhập tăng thêm. Năm 2014 là năm thứ 02 dự án được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp.

Năm 2014 Công ty đã đưa vào hoạt động hệ thống máy móc thiết bị, nhà xưởng chế biến thủy sản mới do đầu tư mở rộng, dự án được hưởng ưu đãi theo thuế suất hiện hành, được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 năm và giảm 50% trong 04 năm tiếp theo đối với phần thu nhập tăng thêm. Năm 2014 là năm đầu tiên dự án đầu tư mở rộng được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	14.088.558.216	9.458.672.690
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	5.486.533.632	9.329.829.523
- Các khoản điều chỉnh giảm	(10.064.687.414)	(9.248.395.122)
Thu nhập chịu thuế	9.510.404.434	5.540.107.091
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Lỗi các năm trước được chuyển	-	-
Thu nhập tính thuế	9.510.404.434	5.540.107.091
Trong đó:		
- Thu nhập tính thuế của hoạt động được hưởng ưu đãi (thuế suất 15%)	2.857.787.102	34.107.928
- Thu nhập tính thuế của hoạt động được hưởng ưu đãi (thuế suất 20%)	5.832.441.757	2.127.838.316
- Thu nhập tính thuế của hoạt động không được hưởng ưu đãi (thuế suất 22%)	820.175.575	3.378.160.847
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	1.775.595.044	1.275.224.064
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn	(609.106.692)	(5.116.189)
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm 50%	(419.552.241)	(146.952.509)
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	746.936.111	1.123.155.366

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nguồn nước tự nhiên với mức 4.000 VND/m³.

Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất với mức 10.500 VND/m²/năm trên diện tích đất thuê là 28.271 m² tại Khu tiểu thủ công nghiệp Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên Tỉnh An Giang.

Công ty được miễn nộp tiền thuê đất trong thời hạn 06 năm kể từ khi ký hợp đồng thuê đất theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 93/CN.UB ngày 26 tháng 12 năm 2003 của Ủy ban Nhân dân tỉnh An Giang. Công ty đã ký Hợp đồng thuê đất với Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang ngày 26 tháng 5 năm 2005.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

21. Phải trả người lao động

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả người lao động	4.842.468.156	4.393.865.245
Cộng	4.842.468.156	4.393.865.245

Lương tháng 12 năm 2014 còn phải trả cho nhân viên.

22. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí tiền điện thoại	2.012.500	1.078.850
Chi phí hoa hồng	-	115.644.569
Chi phí lãi vay ngắn hạn	486.019.765	367.668.731
Chi phí lưu kho	411.874.061	-
Chi phí cước tàu và phí chứng từ	1.639.317.170	6.806.227.942
Chi phí vi sinh	72.597.307	114.999.000
Chi phí vận chuyển	1.976.782.895	1.300.471.230
Chi phí khác	45.839.200	432.919.040
Cộng	4.634.442.898	9.139.009.362

23. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	1.484.380.142	1.153.869.902
Bảo hiểm xã hội	332.117.760	334.071.360
Phải trả khác	111.557.442	105.962.040
Cộng	1.928.055.344	1.593.903.302

24. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng	1.960.529.039	-	(1.960.529.039)	-
Quỹ phúc lợi	1.611.433.094	-	(26.106.268)	1.585.326.826
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	6.222.114.452	-	(1.023.412.413)	5.198.702.039
Cộng	9.794.076.585	-	(3.010.047.720)	6.784.028.865

25. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh An Giang	11.387.591.169	23.887.591.169
Cộng	11.387.591.169	23.887.591.169

Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh An Giang với lãi suất 13%/năm, để bổ sung vốn trung dài hạn xây dựng nhà máy chế biến thức ăn thủy sản. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 01 năm trở xuống	12.500.000.000	12.500.000.000
Trên 01 năm đến 05 năm	11.387.591.169	23.887.591.169
Trên 05 năm	-	-
Tổng nợ	<u>23.887.591.169</u>	<u>36.387.591.169</u>

Chi tiết phát sinh của khoản vay dài hạn ngân hàng như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	23.887.591.169	16.756.061.845
Số tiền vay phát sinh trong năm	-	20.320.300.247
Số tiền vay đã trả trong năm	-	(688.770.923)
Kết chuyển sang nợ dài hạn đến hạn trả	(12.500.000.000)	(12.500.000.000)
Số cuối năm	<u>11.387.591.169</u>	<u>23.887.591.169</u>

26. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	180.523.824	61.943.020
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	185.135.610	118.580.804
Khoản hoãn nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các năm trước	(56.637.784)	-
Số cuối năm	<u>309.021.650</u>	<u>180.523.824</u>

27. Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm.

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi trả cổ tức năm trước (4,5% mệnh giá)	-	8.279.853.750
Cộng	<u>-</u>	<u>8.279.853.750</u>

Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	18.399.675	18.399.675
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	18.399.675	18.399.675
- Cổ phiếu phổ thông	18.399.675	18.399.675
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.399.675	18.399.675
- Cổ phiếu phổ thông	18.399.675	18.399.675
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

Chi tiết phát sinh Quỹ dự phòng tài chính trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	14.339.488.371	17.437.617.397
Bù đắp dự phòng nợ phải thu khó đòi đã quá hạn	-	(3.098.129.026)
Bù đắp khoản chi phí Coupon không thu hồi được (*)	(3.186.900.000)	-
Số cuối năm	<u>11.152.588.371</u>	<u>14.339.488.371</u>

(*) Theo Biên bản họp Hội đồng quản trị số 04/BBH-HĐQT/CLAG2014 ngày 24 tháng 11 năm 2014, Hội đồng quản trị đã thống nhất sử dụng Quỹ dự phòng tài chính để bù đắp khoản ký quỹ (chi phí Bond) để được bán cá tra vào thị trường Mỹ giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2013 số tiền là 150.000 USD (tương đương 3.186.900.000 VND).

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	855.713.208.203	990.819.376.809
- Doanh thu bán hàng hóa	326.925.799	-
- Doanh thu bán thành phẩm	648.687.685.400	831.679.899.496
- Doanh thu bán phụ phẩm	133.231.782.485	136.035.672.013
- Doanh thu bán thức ăn	73.466.814.519	23.018.521.108
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	85.284.192
Các Khoản giảm trừ doanh thu:	(1.223.474.796)	(3.607.717.819)
- Hàng bán trả lại	(967.656.000)	(2.994.025.000)
- Giảm giá hàng bán	(255.818.796)	(613.692.819)
Doanh thu thuần	<u>854.489.733.407</u>	<u>987.211.658.990</u>
<i>Trong đó:</i>		
- Doanh thu thuần bán hàng hóa	326.925.799	-
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	647.464.210.604	828.072.181.677
- Doanh thu thuần bán phụ phẩm	133.231.782.485	136.035.672.013
- Doanh thu thuần bán thức ăn	73.466.814.519	23.018.521.108
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	-	85.284.192

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	307.804.000	-
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp ⁽ⁱ⁾	732.002.548.861	832.857.992.601
Cộng	<u>732.310.352.861</u>	<u>832.857.992.601</u>

⁽ⁱ⁾ Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	658.062.877.139	531.552.321.478
Chi phí nhân công trực tiếp	72.622.036.257	63.718.228.197
Chi phí sản xuất chung	91.244.938.833	75.468.694.446
Tổng chi phí sản xuất	821.929.852.229	670.739.244.121
Chênh lệch chi phí sản xuất dở dang	(16.115.852.529)	93.659.221.350
Tổng giá thành sản xuất	805.813.999.700	764.398.465.471
Chênh lệch thành phẩm tồn kho	(76.429.794.491)	74.449.205.512
Chênh lệch hàng gửi đi bán	2.618.343.652	(5.989.678.382)
Giá vốn thành phẩm đã cung cấp	<u>732.002.548.861</u>	<u>832.857.992.601</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	52.391.082	63.600.541
Lãi cho vay	419.681.682	168.529.922
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.379.530.199	2.966.779.117
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	322.787.882
Cộng	<u>2.851.602.963</u>	<u>3.521.697.462</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	19.965.557.756	26.963.745.985
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4.060.533.852	1.595.982.906
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	71.888.722	-
Cộng	<u>24.097.980.330</u>	<u>28.559.728.891</u>

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí vật liệu bao bì	22.792.226.512	31.786.843.618
Chi phí vi sinh	2.668.980.070	2.276.736.405
Chi phí dịch vụ mua ngoài	32.045.246.436	63.392.312.160
Cộng	<u>57.506.453.018</u>	<u>97.455.892.183</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	12.796.504.597	13.217.602.561
Chi phí vật liệu quản lý	-	6.970.000
Chi phí công cụ văn phòng	346.352.142	486.904.737

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí khấu hao tài sản cố định	843.728.732	853.168.335
Thuế, phí và lệ phí	562.363.068	281.659.476
Chi phí dự phòng	1.715.012.028	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.751.788.606	9.767.541.687
Chi phí khác	2.760.240.956	1.610.910.074
Cộng	<u>28.775.990.129</u>	<u>26.224.756.870</u>
7. Thu nhập khác		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu khuyến mãi	6.900.000	6.856.944
Cộng	<u>6.900.000</u>	<u>6.856.944</u>
8. Chi phí khác		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi hỗ trợ	105.650.835	73.621.570
Chi mua quà biếu	312.350.744	18.645.000
Chi nộp phạt	83.786.399	32.523.252
Chi phí khác	67.113.838	58.380.339
Cộng	<u>568.901.816</u>	<u>183.170.161</u>
9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	128.497.826	118.580.804
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	900.913.292	-
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	-	(931.281.252)
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	<u>1.029.411.118</u>	<u>(812.700.448)</u>
10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	12.312.210.987	5.148.217.772
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	12.312.210.987	5.148.217.772
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (*)	18.399.675	18.399.675
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>669</u>	<u>280</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(*) Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	18.399.675	18.399.675
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	18.399.675	18.399.675

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	692.805.264.527	572.479.242.029
Chi phí nhân công	99.575.444.542	90.079.894.385
Chi phí khấu hao tài sản cố định	25.536.800.099	22.014.936.673
Chi phí dịch vụ mua ngoài	84.807.785.565	134.152.203.972
Chi phí khác	5.487.000.643	2.840.532.261
Cộng	908.212.295.376	821.566.809.320

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Nợ tiềm tàng

Ngày 31 tháng 3 năm 2014, Bộ Thương mại Mỹ (DOC) đã ra phán quyết cuối cùng của đợt rà soát hành chính thuế chống bán phá giá lần 09 (POR 9 từ ngày 01 tháng 8 năm 2011 đến ngày 31 tháng 7 năm 2012) đối với các doanh nghiệp cá tra, cá basa Việt Nam. Theo đó, sản phẩm cá tra và cá basa của Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Cửu Long An Giang phải chịu mức thuế chống bán phá giá là 0,42 USD/kg khi xuất khẩu vào thị trường Mỹ.

Ngày 07 tháng 01 năm 2015, Bộ Thương mại Mỹ (DOC) đã ra phán quyết cuối cùng của đợt rà soát hành chính thuế chống bán phá giá lần 10 (POR 10 từ ngày 01 tháng 8 năm 2012 đến ngày 31 tháng 7 năm 2013) đối với các doanh nghiệp cá tra, cá basa Việt Nam. Theo đó, sản phẩm cá tra và cá basa của Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Cửu Long An Giang phải chịu mức thuế chống bán phá giá là 0,97 USD/kg khi xuất khẩu vào thị trường Mỹ.

Hiện tại, Bộ Thương mại Mỹ chưa có phán quyết của đợt rà soát hành chính thuế chống bán phá giá lần 11 (POR 11 từ ngày 01/8/2013 đến ngày 31/7/2014) đối với các doanh nghiệp cá tra, cá basa Việt Nam.

Công ty chưa xem xét đến ảnh hưởng của các vấn đề này khi lập Báo cáo tài chính.

2. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Theo Nghị quyết số 01/NQHĐQT-CLAG/2015 ngày 14 tháng 01 năm 2015 của Hội đồng quản trị, đã thông qua việc chia cổ tức năm 2014 là 5%/mệnh giá (500VND/cổ phần).

Ngoài sự kiện nêu trên, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2014 cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**3. Giao dịch với các bên liên quan****Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan**

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Ban điều hành		
Ứng trước tiền mua thức ăn	1.100.000.000	-
Các cá nhân có liên quan		
Bán thức ăn	3.728.460.238	-

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ban điều hành	1.100.000.000	-
Các cá nhân có liên quan	235.116.750	-
Cộng nợ phải trả	1.335.116.750	-

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	796.000.000	1.226.343.299
Thưởng	4.000.000	-
Phụ cấp	849.340.000	643.000.000
Cộng	1.649.340.000	1.869.343.299

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH xuất nhập khẩu thủy sản Đông Á	Công ty có quan hệ gia đình
Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Cửu Long	Công ty có quan hệ gia đình

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty TNHH xuất nhập khẩu thủy sản Đông Á		
Thuê gia công thành phẩm	19.364.610.000	14.788.914.000
Phí đóng cont	497.047.122	-
Bán thức ăn	64.523.687.615	24.169.447.160
Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Cửu Long		
Mua thức ăn thủy sản	1.126.236.000	6.338.534.622
Mua nguyên liệu sản xuất thức ăn	4.998.532.381	-
Thuê gia công thức ăn thủy sản	1.449.230.400	-
Bán phụ phẩm	3.959.699.268	1.925.518.896

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH xuất nhập khẩu thủy sản Đông Á		
Phải thu tiền bán thức ăn	36.079.282.000	8.920.413.600
Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Cửu Long		
Phải thu tiền bán phụ phẩm	-	1.651.392.896
Cộng nợ phải thu	<u>36.079.282.000</u>	<u>10.571.806.496</u>
Công ty TNHH xuất nhập khẩu thủy sản Đông Á		
Phải trả tiền gia công	7.757.232.000	4.032.582.750
Phải trả phí đóng cont	521.899.478	-
Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Cửu Long		
Phải trả phí gia công thức ăn	1.416.769.200	-
Cộng nợ phải trả	<u>9.695.900.678</u>	<u>4.032.582.750</u>

4. Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh sau:

- Hoạt động sản xuất, chế biến thức ăn thủy sản, chế biến thủy sản.
- Hoạt động khác bao gồm: thương mại, dịch vụ.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty trong năm như sau:

Năm nay	<u>Lĩnh vực sản xuất</u>	<u>Lĩnh vực khác</u>	<u>Cộng</u>
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	854.162.807.608	326.925.799	854.489.733.407
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	<u>854.162.807.608</u>	<u>326.925.799</u>	<u>854.489.733.407</u>
Chi phí bộ phận	(732.002.548.861)	(307.804.000)	(732.310.352.861)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	122.160.258.747	19.121.799	122.179.380.546
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	-	-	(86.282.443.147)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	-	35.896.937.399
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	2.851.602.963
Chi phí tài chính	-	-	(24.097.980.330)
Thu nhập khác	-	-	6.900.000
Chi phí khác	-	-	(568.901.816)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	(746.936.111)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	(1.029.411.118)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>12.312.210.987</u>
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	<u>37.691.453.143</u>	<u>-</u>	<u>37.691.453.143</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

<i>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</i>	<u>31.192.052.326</u>	-	<u>31.192.052.326</u>
<i>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</i>	-	-	-
Năm trước			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	987.126.374.798	85.284.192	987.211.658.990
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	<u>987.126.374.798</u>	<u>85.284.192</u>	<u>987.211.658.990</u>
Chi phí bộ phận	(832.857.992.601)	-	(832.857.992.601)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	154.268.382.197	85.284.192	154.353.666.389
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	-	-	(123.680.649.053)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	-	30.673.017.336
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	3.521.697.462
Chi phí tài chính	-	-	(28.559.728.891)
Thu nhập khác	-	-	6.856.944
Chi phí khác	-	-	(183.170.161)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	(1.123.155.366)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	812.700.448
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	<u>5.148.217.772</u>
<i>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</i>	<u>55.003.941.585</u>	-	<u>55.003.941.585</u>
<i>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</i>	<u>23.932.300.487</u>	-	<u>23.932.300.487</u>
<i>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</i>	-	-	-

Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bố ở trong nước và nước ngoài.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Trong nước	207.025.522.803	159.139.477.313
Nước ngoài	647.464.210.604	828.072.181.677
Cộng	<u>854.489.733.407</u>	<u>987.211.658.990</u>

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	<u>Lĩnh vực sản xuất</u>	<u>Lĩnh vực khác</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	834.719.356.069	-	834.719.356.069
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	-	-	2.621.557.111
Tổng tài sản			<u>837.340.913.180</u>

1044
ÔN
- NHIE
TOÁN
A 8
1-T.F

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Lĩnh vực sản xuất</u>	<u>Lĩnh vực khác</u>	<u>Cộng</u>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	556.952.420.410	-	556.952.420.410
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	-	-	-
Tổng nợ phải trả			556.952.420.410
Số đầu năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	716.335.084.664	-	716.335.084.664
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	-	-	2.621.557.111
Tổng tài sản			718.956.641.775
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	449.961.990.724	-	449.961.990.724
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	-	-	-
Tổng nợ phải trả			449.961.990.724

5. Điều chỉnh hồi tố và các sai sót

Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước theo kiểm tra, quyết toán của Cơ quan thuế đến hết năm 2012 thấp hơn số phải nộp theo báo cáo của đơn vị.

Ảnh hưởng của việc điều chỉnh sai sót này đến số liệu so sánh của năm trước trên Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

	<u>Mã số</u>	<u>Số liệu theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm trước</u>		<u>Số liệu sau điều chỉnh</u>
		<u>Các điều chỉnh</u>		
Bảng cân đối kế toán				
Thuế và các khoản phải nộp				
Nhà nước	314	2.647.157.500	(2.268.530.732)	378.626.768
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	48.166.421.424	2.268.530.732	50.434.952.156

6. Thuê hoạt động

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang sẽ được thanh toán như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 01 năm trở xuống	296.845.500	296.845.500
Trên 01 năm đến 05 năm	1.187.382.000	1.187.382.000
Trên 05 năm	11.289.679.625	11.586.525.125
Cộng	12.773.907.125	13.070.752.625

Công ty thuê đất dưới hình thức thuê hoạt động. Các hợp đồng thuê có hiệu lực trong 50 năm và có khả năng được gia hạn thêm. Chi phí thuê được điều chỉnh tăng lên hàng năm theo giá đất do Ủy ban Nhân dân tỉnh công bố.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Để quản lý nợ phải thu khách hàng, Ban Tổng Giám đốc đã ban hành qui chế bán hàng với các qui định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ một cách cụ thể. Hàng tháng Ban Tổng Giám đốc thực hiện kiểm tra việc tuân thủ qui chế bán hàng này. Ngoài ra, nhân viên phòng kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị hoạt động trong các lĩnh vực và các khu vực địa lý khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh VII.8 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	28.785.124.424	-	-	-	28.785.124.424
Phải thu khách hàng	225.457.227.016	-	-	11.813.191.860	237.270.418.876
Các khoản phải thu khác	1.107.150.572	-	-	-	1.107.150.572
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	-	-	-	3.600.000.000	3.600.000.000
Cộng	255.349.502.012	-	-	15.413.191.860	270.762.693.872
Số đầu năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.575.263.155	-	-	-	8.575.263.155
Phải thu khách hàng	209.665.928.763	-	-	11.661.640.053	221.327.568.816
Các khoản phải thu khác	4.193.130.049	-	-	-	4.193.130.049
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	-	-	-	3.600.000.000	3.600.000.000
Cộng	222.434.321.967	-	-	15.261.640.053	237.695.962.020

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (bao gồm lãi vay phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
Số cuối năm				
Vay và nợ	482.889.330.348	11.790.962.818	-	494.680.293.166
Phải trả người bán	47.308.278.407	-	-	47.308.278.407
Các khoản phải trả khác	4.746.000.340	-	-	4.746.000.340
Cộng	534.943.609.095	11.790.962.818	-	546.734.571.913
Số đầu năm				
Vay và nợ	372.216.628.263	27.340.645.707	-	399.557.273.970
Phải trả người bán	31.413.760.409	-	-	31.413.760.409
Các khoản phải trả khác	9.244.971.402	-	-	9.244.971.402
Cộng	412.875.360.074	27.340.645.707	-	440.216.005.781

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là vừa phải. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán và rủi ro giá nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 01 tháng 01 năm 2014 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán, giá nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, lựa chọn thời điểm bán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá cao, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	USD	EUR	USD	EUR
Tiền và các khoản tương đương tiền	638.786,17	228,36	201.900,73	231,76
Phải thu khách hàng	8.976.319,72	-	9.306.381,13	-
Các khoản phải thu khác	11.000,00	-	161.000,00	-
Vay và nợ	(16.855.142,42)	-	(14.994.414,00)	-
Phải trả người bán	-	-	(6.958,00)	-
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ	(7.229.036,53)	228,36	(5.332.090,14)	231,76

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu tỷ giá hối đoái giữa VND và USD tăng/giảm 02% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Công ty sẽ giảm/tăng 2.409.394.501 VND (cùng kỳ năm trước giảm/tăng 1.686.486.791 VND) do ảnh hưởng của lỗ/lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của các công cụ tài chính.

Rủi ro do biến động của tỷ giá hối đoái giữa VND và EUR đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do tài sản thuần có giá trị nhỏ.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Công ty đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của lãi suất đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do các khoản vay có lãi suất cố định.

Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách hạn chế các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu giá các chứng khoán Công ty đang đầu tư tăng/giảm 10% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Công ty tăng/giảm khoảng 204.481.455 VND (năm trước tăng/giảm khoảng 196.616.783 VND).

Rủi ro về giá nguyên liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá nguyên liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá nguyên liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý. Bên cạnh đó, Công ty đẩy mạnh phát triển vùng nuôi cá để chủ động nguồn nguyên liệu và quản lý rủi ro về giá nguyên liệu.

Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty thế chấp một khoản nợ phải thu khách hàng để đảm bảo cho khoản vay của các ngân hàng (xem thuyết minh V.17). Giá trị ghi sổ của tài sản đảm bảo tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 159.777.500.000 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2014 là 173.902.127.260 VND).

3004
CÔN
CH NH
TOÁN
A
INH-T

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Công ty không nhận tài sản tài chính đảm bảo nào của đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và tại ngày 01 tháng 01 năm 2014.

8. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	28.785.124.424	-	8.575.263.155	-	28.785.124.424	8.575.263.155
Phải thu khách hàng	237.270.418.876	(11.813.191.860)	221.327.568.816	(10.098.179.832)	225.457.227.016	211.229.388.984
Các khoản phải thu khác	1.107.150.572	-	4.193.130.049	-	1.107.150.572	4.193.130.049
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	3.600.000.000	(978.442.889)	3.600.000.000	(978.442.889)	2.621.557.111	2.621.557.111
Cộng	270.762.693.872	(12.791.634.749)	237.695.962.020	(11.076.622.721)	257.971.059.123	226.619.339.299

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
	Vay và nợ	484.105.994.273	389.149.842.541	484.105.994.273
Phải trả người bán	47.308.278.407	31.413.760.409	47.308.278.407	31.413.760.409
Các khoản phải trả khác	4.746.000.340	9.244.971.402	4.746.000.340	9.244.971.402
Cộng	536.160.273.020	429.808.574.352	536.160.273.020	429.808.574.352

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Đối với các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết nhưng có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán thì giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố.

An Giang, ngày 31 tháng 01 năm 2015

Trương Minh Duy
Người lập

Trương Minh Duy
Kế toán trưởng

Trần Thị Vân Loan
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	183.996.750.000	19.920.224.200	2.571.767.056	17.437.617.397	53.566.588.134	277.492.946.787
Lợi nhuận tăng năm trước	-	-	-	-	5.148.217.772	5.148.217.772
Chia cổ tức trong năm trước	-	-	-	-	(8.279.853.750)	(8.279.853.750)
Chi quỹ trong năm trước	-	-	-	(3.098.129.026)	-	(3.098.129.026)
Số dư cuối năm trước	183.996.750.000	19.920.224.200	2.571.767.056	14.339.488.371	50.434.952.156	271.263.181.783
Số dư đầu năm nay	183.996.750.000	19.920.224.200	2.571.767.056	14.339.488.371	50.434.952.156	271.263.181.783
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	12.312.210.987	12.312.210.987
Chia cổ tức trong năm nay	-	-	-	-	-	-
Chi quỹ trong năm nay	-	-	-	(3.186.900.000)	-	(3.186.900.000)
Số dư cuối năm nay	183.996.750.000	19.920.224.200	2.571.767.056	11.152.588.371	62.747.163.143	280.388.492.770

Đơn vị tính: VND

An Giang, ngày 31 tháng 01 năm 2015



Trần Thị Vân Loan
Tổng Giám đốc

Trương Minh Duy
Kế toán trưởng



Trương Minh Duy
Người lập

